



CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

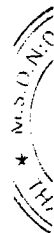
- Kiểm toán
- Audit
- Tư vấn Thuế
- Tax consulting
- Tư vấn Tài chính
- Financial advisory
- Thẩm định giá và xác định giá trị doanh nghiệp
- Valuation

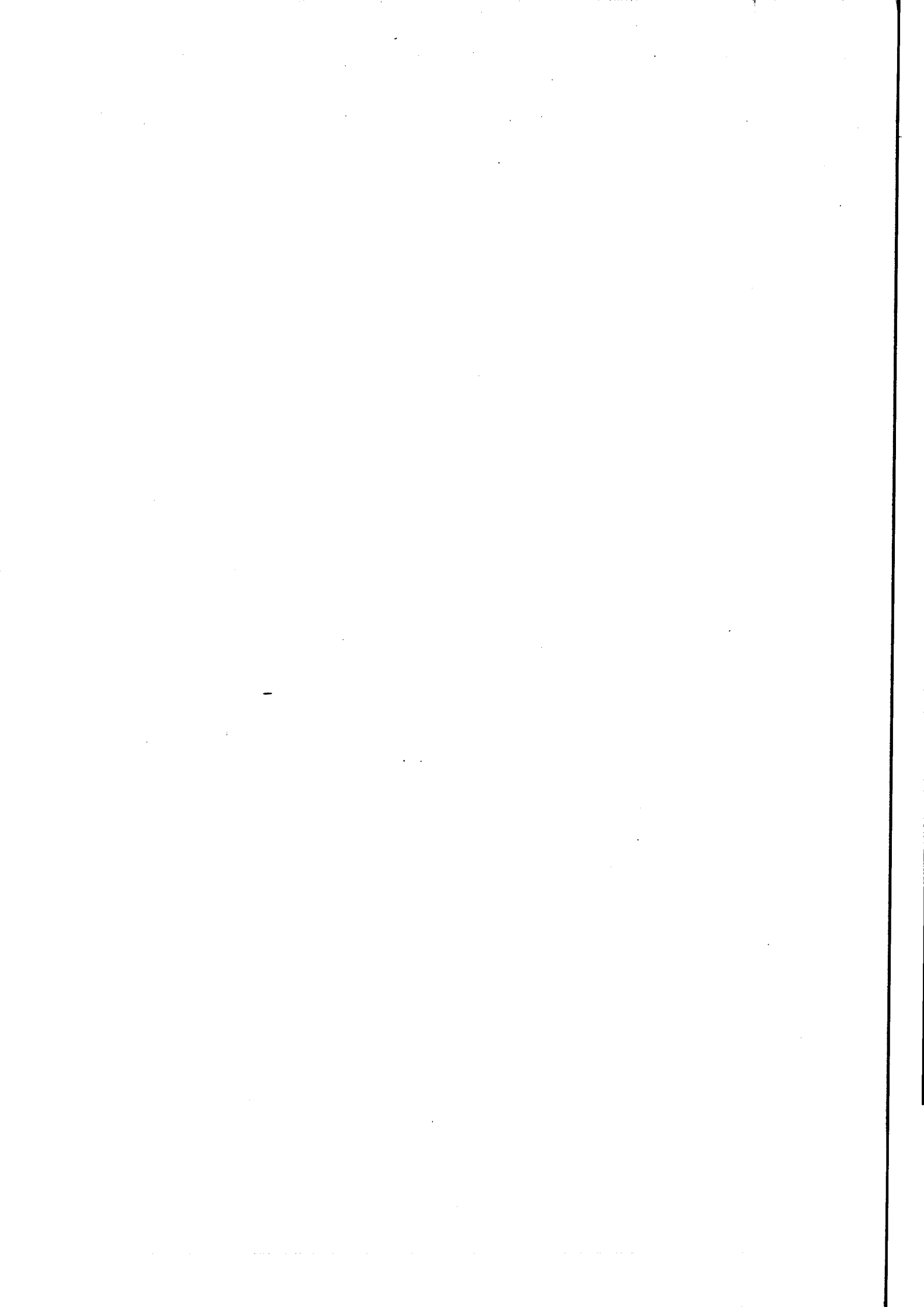
CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23





CÔNG TY TNHH KỸ THUẬT QUẢN LÝ BAY

Số 5/200 đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CHỦ TỊCH CÔNG TY VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Chủ tịch Công ty

Ông Trịnh Văn Hải

Chủ tịch

Ban Giám đốc

Ông Lê Tiến Thịnh

Giám đốc

Ông Phạm Quốc Đạt

Phó Giám đốc

Ông Phạm Quang Tuấn

Phó Giám đốc

Ông Nguyễn Hoàng Giang

Phó Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

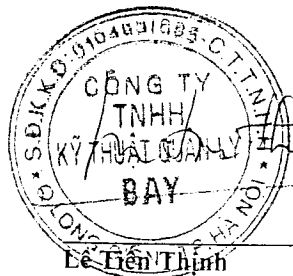
Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Lê Tiến Thịnh

Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

11/11



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319, số 63 Lê Văn Lương
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam
Tel: (84-4) 3577 0781/ Fax: (84-4) 3577 0787
W: www.vaco.com.vn/ E: vacohn@vaco.com.vn

Số: 093 /VACO/BCKT.NV2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Chủ tịch, Ban Giám đốc
Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý bay (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 21 tháng 03 năm 2017, từ trang 04 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "Báo cáo tài chính").

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH Quản lý bay tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

152
S T
H
TOÁN
CC
S H

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Báo cáo này được phát hành thay thế Báo cáo số 012 VACO/BCKT.NV2 ngày 24/01/2017, do Công ty bổ sung số liệu điều chỉnh theo kết quả làm việc của Ban Kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam. Cụ thể thay đổi một số khoản mục như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	Số liệu tại báo cáo ngày 24/01/2017	Số liệu tại báo cáo ngày 21/03/2017	Tăng (giảm)
Bảng cân đối kế toán				
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	69.414.260.883	84.304.996.404	14.890.735.521
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	2.932.338.493	4.230.677.033	1.298.338.540
3. Phải trả người lao động	315	27.978.037.722	36.377.080.543	8.399.042.821
4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	4.746.811.722	7.169.173.921	2.422.362.199
5. Quỹ đầu tư phát triển	418	9.352.197.493	10.910.203.741	1.558.006.248
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	4.696.069.630	5.909.055.343	1.212.985.713
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	233.310.664.508	248.201.400.029	14.890.735.521
2. Giá vốn cung cấp dịch vụ	11	149.383.993.944	154.022.904.779	4.638.910.835
3. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	43.998.868.621	47.759.000.607	3.760.131.986
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	9.187.484.340	10.485.822.880	1.298.338.540
5. Lợi nhuận sau thuế	60	31.376.755.063	36.570.109.223	5.193.354.160

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 17 - Vốn chủ sở hữu, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận năm 2016, việc phân phối lợi nhuận này chưa được phê duyệt của chủ sở hữu là Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.



Nguyễn Đức Tiến
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0517-2013-156-1

Ngô Tiến Thành
Kiểm toán viên
Số Giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 3654-2016-156-1

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

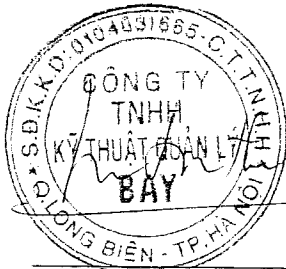
TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		187.527.344.014	170.839.139.201
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	87.334.299.702	57.003.216.140
1. Tiền	111		44.102.309.627	29.628.393.914
2. Các khoản tương đương tiền	112		43.231.990.075	27.374.822.226
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		88.638.087.460	93.124.486.686
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	84.304.996.404	68.154.813.877
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		752.725.282	7.365.924.595
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	7	3.580.365.774	17.603.748.214
III. Hàng tồn kho	140	8	11.284.178.351	19.903.812.768
1. Hàng tồn kho	141		11.519.327.009	20.100.468.617
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(235.148.658)	(196.655.849)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		270.778.501	807.623.607
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		270.778.501	445.686.912
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	361.936.695
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		200.720.128.556	194.612.536.811
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	10.000.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	7	10.000.000	10.000.000
II. Tài sản cố định	220		175.349.512.282	160.486.573.398
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	167.010.914.351	154.812.892.077
- Nguyên giá	222		500.582.415.645	453.091.840.975
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(333.571.501.294)	(298.278.948.898)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	8.338.597.931	5.673.681.321
- Nguyên giá	228		12.217.688.289	8.770.310.249
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.879.090.358)	(3.096.628.928)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		18.621.817.416	28.935.134.703
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	18.621.817.416	28.935.134.703
IV. Tài sản dài hạn khác	260		6.738.798.858	5.180.828.710
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		2.350.422.027	1.595.726.381
2. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		4.388.376.831	3.585.102.329
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		388.247.472.570	365.451.676.012

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số	
			cuối năm	đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		94.940.048.441	88.437.710.909
I. Nợ ngắn hạn	310		73.079.542.189	65.703.062.002
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	12	11.804.602.986	11.820.169.316
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	13	9.198.709.121	9.810.121.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	14	4.230.677.033	5.602.348.373
4. Phải trả người lao động	314		36.377.080.543	25.871.419.645
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	15	2.717.499.912	5.969.521.021
6. Phải trả ngắn hạn khác	319		825.847.216	1.654.954.368
7. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	16	755.951.457	625.168.445
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		7.169.173.921	4.349.359.123
II. Nợ dài hạn	330		21.860.506.252	22.734.648.907
1. Người mua trả tiền trước dài hạn	332	13	15.610.413.000	17.959.054.000
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	16	72.226.080	202.249.490
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.177.867.172	4.573.345.417
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		293.307.424.129	277.013.965.103
I. Vốn chủ sở hữu	410	17	293.307.424.129	277.013.965.103
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		276.488.165.045	268.480.379.243
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		10.910.203.741	7.259.718.296
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		5.909.055.343	1.273.867.564
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		742.820.085	53.541.357
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		5.166.235.258	1.220.326.207
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		388.247.472.570	365.451.676.012



Lê Tiên Thịnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Ông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016


Đơn vị: VND


CHỈ TIÊU	Mã Thuyết		Số năm nay	Số năm trước
	số	minh		
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	19	248.201.400.029	225.950.071.177
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10		248.201.400.029	225.950.071.177
3. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11	20	154.022.904.779	155.727.099.177
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		94.178.495.250	70.222.972.000
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	22	1.456.769.264	3.161.099.795
6. Chi phí tài chính	22	23	146.703.754	43.093.536
7. Chi phí bán hàng	25	24	143.320.075	(110.170.102)
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	24	47.759.000.607	41.391.602.602
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		47.586.240.078	32.059.545.759
10. Thu nhập khác	31	25	1.315.639.182	1.558.586.001
11. Chi phí khác	32	26	1.845.947.157	462.787.903
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(530.307.975)	1.095.798.098
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		47.055.932.103	33.155.343.857
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	27	10.485.822.880	8.484.024.168
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		36.570.109.223	24.671.319.689



Lê Tiên Phương
Giám đốc

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

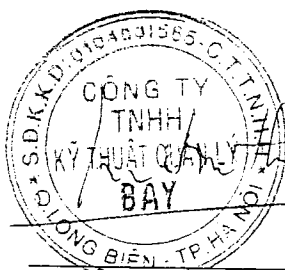

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng


Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Số năm nay		Số năm trước	
		Số năm nay	Số năm trước	Số năm nay	Số năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH					
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	263.103.744.441	209.789.499.484		
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(69.123.706.572)	(104.496.709.295)		
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(75.673.031.365)	(66.179.700.067)		
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(9.894.855.789)	(6.909.299.395)		
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	16.388.946.243	25.808.249.385		
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(61.103.611.004)	(49.254.062.116)		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20	<i>63.697.485.954</i>	<i>8.757.977.996</i>		
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ					
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(34.675.683.869)	(32.512.806.864)		
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	(5.272.728)	109.951.428		
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.176.145.562	1.922.581.861		
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30	<i>(33.504.811.035)</i>	<i>(30.480.273.575)</i>		
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH					
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	-	-		
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)</i>	50	<i>30.192.674.919</i>	<i>(21.722.295.579)</i>		
Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu năm	60	57.003.216.140	78.553.220.819		
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	138.408.643	172.290.900		
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	87.334.299.702	57.003.216.140		



Lê Tiên Thịnh
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

(Handwritten signatures)

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0104831665 cấp lần đầu vào ngày 09 tháng 08 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên sửa đổi lần 6 vào ngày 06 tháng 10 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Vốn điều lệ của Công ty là: 279.084.000.000 đồng.

Tổng số lao động trong Công ty

Tổng số lao động của Công ty tại ngày 31/12/2016 là 392 người (tại ngày 31/12/2015 là 380 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải hàng không: Dịch vụ bay kiểm tra, hiệu chuẩn hệ thống kỹ thuật, thiết bị dẫn đường, giám sát hàng không; Đào tạo, huấn luyện nghiệp vụ cho nhân viên hàng không; Cung ứng dịch vụ thông tin, chỉ đường, giám sát hàng không; Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp khác cho vận tải hàng không;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê tài sản trên đất, cho thuê văn phòng, mặt bằng kinh doanh;
- Hoạt động hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu, chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Cung ứng và quản lý nguồn lao động (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan, chi tiết: Giám sát thi công xây dựng và hoàn thiện công trình dân dụng và công nghiệp, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện; Thiết kế kết cấu công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế kiến trúc công trình; Lập dự án đầu tư xây dựng công trình; Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Dịch vụ tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu; Tư vấn quản lý chi phí hạng 2: *Lập, thẩm tra tổng mức đầu tư (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Xác định chỉ tiêu xuất vốn đầu tư, định mức, đơn giá xây dựng công trình, chi số giá xây dựng; Đo bóc khối lượng xây dựng công trình; Lập, thẩm tra dự toán xây dựng công trình; Xác định giá gói thầu, giá hợp đồng trong hoạt động xây dựng; Kiểm soát chi phí xây dựng công trình (trừ các dự án quan trọng quốc gia); Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán hợp đồng; Lập hồ sơ thanh toán, quyết toán vốn đầu tư xây dựng công trình; (không bao gồm các hoạt động: lập, thẩm tra tổng mức đầu tư; Đánh giá hiệu quả dự án đầu tư xây dựng công trình và kiểm soát chi phí xây dựng công trình đối với các dự án trọng điểm quốc gia);*
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính;
- Tư vấn máy vi tính;
- Lập trình máy vi tính;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Hoạt động viễn thông không dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Hoạt động viễn thông có dây (không bao gồm thiết lập mạng và kinh doanh hạ tầng bưu chính viễn thông);
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;
- Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Xây dựng công trình công ích;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa máy móc, thiết bị;
- Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng;
- Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại;
- Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Sản xuất đồng hồ;
- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị truyền thông;
- Sản xuất linh kiện điện tử;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;
- Sản xuất các kết cấu kiện kim loại;
- Công thông tin (trừ các loại thông tin Nhà nước cấm và hoạt động báo chí).

Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (Tiếp theo)

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng, một số hợp đồng được thực hiện trong thời gian nhiều hơn 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Trụ sở chính đặt tại số 5, ngõ 200, đường Nguyễn Sơn, phường Bồ Đề, quận Long Biên, TP. Hà Nội.

Chi nhánh của Công ty đặt tại số 58 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh. Chi nhánh được thành lập theo Quyết định số 107/QĐ-KTQLB ngày 09/02/2011 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/04/2012).

Xí nghiệp Chế tạo thiết bị hàng không đặt tại tổ 15, phường Phúc Đồng, quận Long Biên, TP. Hà Nội được thành lập theo Quyết định số 502/QĐ-CTCT ngày 28/10/2014 của Chủ tịch Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay (bắt đầu hạch toán phụ thuộc ngày 01/01/2015).

Các bên liên quan

Các bên được xác định là bên liên quan của Công ty trong năm bao gồm:

- Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam (Công ty mẹ).
- Các công ty con của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam.
- Chủ tịch Công ty và Ban Giám đốc: Quản lý chủ chốt.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 21 tháng 3 năm 2016, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 53/2016/TT-BTC (“Thông tư 53”) sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư 53 có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2016. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 53 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tại ngày 31/12/2016, Công ty có một số vật tư, công cụ dụng cụ không biến động trong năm. Theo Ban Giám đốc Công ty đây là số vật tư, công cụ dụng cụ dùng để thay thế, sửa chữa, vẫn tiếp tục sử dụng được nên Công ty xác định không phải trích lập dự phòng.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

	2016
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Thiết bị văn phòng	03 - 08
Phương tiện vận tải	06 - 10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao (Tiếp theo)

Trong năm, Công ty có thực hiện điều chỉnh tăng/giảm nguyên giá của một số tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng từ năm 2015 theo quyết toán giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm 2016, đồng thời đã thực hiện việc tính toán lại giá trị khấu hao đối với các loại tài sản này. Nguyên tắc khấu hao đối với các loại tài sản có sự điều chỉnh nguyên giá trên được Công ty thực hiện như sau:

- **Đối với các tài sản cố định có quyết toán giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành cao hơn giá trị tạm tính tại thời điểm bàn giao đưa tài sản cố định vào sử dụng:** Công ty đang thực hiện theo hướng dẫn tại Mục 10, Điều 9, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013:

Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định trên cơ sở lấy giá trị quyết toán tài sản cố định được phê duyệt trừ (-) số đã trích khấu hao đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản cố định chia (:) thời gian trích khấu hao còn lại của tài sản cố định theo quy định.

- **Đối với các tài sản cố định có quyết toán giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành thấp hơn giá trị tạm tính tại thời điểm bàn giao đưa tài sản cố định vào sử dụng:** Công ty đang thực hiện tính toán lại khấu hao của các tài sản này theo phương pháp đường thẳng kể từ ngày bàn giao đưa tài sản vào sử dụng (năm 2015) với nguyên giá theo giá trị quyết toán năm 2016. Chênh lệch giữa chi phí khấu hao đã trích và số chi phí khấu hao tính toán lại của năm 2015 được ghi nhận vào chi phí khấu hao năm 2016.

Công ty đang ghi nhận trên nguyên giá tài sản cố định của một số vật tư, thiết bị dự phòng có giá trị từ 30 triệu đồng trở lên với tổng giá trị là 5.675.929.015 đồng theo hướng dẫn tại Công văn số 6951/BTC-TCDN ngày 26/05/2015 của Bộ Tài chính và Công văn số 7512/BGTVT-TC ngày 12/06/2015 của Bộ Giao thông vận tải.

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính, tài sản cố định vô hình khác và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Phần mềm máy tính và tài sản cố định vô hình khác được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 03 - 08 năm.

Trong năm, Công ty có thực hiện điều chỉnh tăng/giảm nguyên giá của một số tài sản cố định vô hình đã được đưa vào sử dụng từ năm 2015 theo quyết toán giá trị xây dựng cơ bản hoàn thành trong năm 2016 đồng thời đã thực hiện việc tính toán lại giá trị khấu hao đối với các loại tài sản này. Nguyên tắc khấu hao đối với các loại tài sản có sự điều chỉnh nguyên giá trên được Công ty thực hiện tương tự như trường hợp đối với tài sản cố định hữu hình nêu trên.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty, các khoản trả trước cho nhiều kỳ.

Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định hiện hành.

Nợ phải trả

Nợ phải trả là số tiền có thể phải trả khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải trả được trình bày theo giá trị ghi sổ.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

Nguồn vốn

Vốn chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận trên cơ sở thực góp của Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam. Trong năm Công ty đang tạm phân phối lợi nhuận theo Quy chế tài chính của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận chính thức sẽ do Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam quyết định.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để phân phối lợi nhuận.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số đầu năm VND	Số cuối năm VND
Tiền mặt	224.562.958	219.303.940
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	43.877.746.669	29.409.089.974
Các khoản tương đương tiền (i)	43.231.990.075	27.374.822.226
	87.334.299.702	57.003.216.140

Ghi chú: (i) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn một tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Phải thu của khách hàng ngắn hạn	84.304.996.404	68.154.813.877
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	73.031.822.905	44.997.824.905
Ban Quản lý các dự án cầu Hải Phòng	8.113.099.708	8.127.833.658
Công ty Selex Systems Integration Inc	1.177.545.600	1.366.235.160
Quân chủng phòng không không quân	415.530.705	12.142.919.705
Các đối tượng khác	1.566.997.486	1.520.000.449
b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan (i)	73.275.053.511	45.039.887.803

Ghi chú: (i) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 28 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

7. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a, Phải thu khác ngắn hạn	<u>3.580.365.774</u>	-	<u>17.603.748.214</u>	-
Tạm ứng	1.100.392.535	-	1.049.881.985	-
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	2.318.811.798	-	16.143.545.586	-
Phải thu khác	161.161.441	-	410.320.643	-
b, Phải thu khác dài hạn	<u>10.000.000</u>	-	<u>10.000.000</u>	-
Ký quỹ, ký cược dài hạn	10.000.000	-	10.000.000	-

8. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi trên đường	3.413.906.258	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	4.326.918.055	(217.358.040)	4.044.822.337	(187.185.452)
Công cụ, dụng cụ	198.642.641	(11.473.000)	185.343.310	(9.470.397)
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	3.196.718.890	-	15.459.604.027	-
Thành phẩm	364.646.130	(6.317.618)	392.203.908	-
Hàng hoá	18.495.035	-	18.495.035	-
	<u>11.519.327.009</u>	<u>(235.148.658)</u>	<u>20.100.468.617</u>	<u>(196.655.849)</u>

Công ty thực hiện trích lập dự phòng đối với vật tư, hàng hóa kém, mất phẩm chất, không có nhu cầu sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

9. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Đơn vị: VND				
	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	78.859.317.150	366.006.833.566	6.927.682.551	1.298.007.708	453.091.840.975
Mua sắm mới trong năm	-	7.988.664.362	877.900.574	111.706.364	8.978.271.300
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1.893.929.974	36.204.806.880	-	-	38.098.736.854
Tăng do TS hình thành từ quỹ PTKHCN	-	818.765.390	-	-	818.765.390
Giảm thanh lý	-	(405.198.874)	-	-	(405.198.874)
Số dư cuối năm	80.753.247.124	410.613.871.324	7.805.583.125	1.409.714.072	500.582.415.645
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KÊ					
Số dư đầu năm	33.149.010.792	258.414.099.446	5.774.472.185	941.366.475	298.278.948.898
Khấu hao trong năm	5.866.523.243	29.211.234.435	448.402.780	144.222.797	35.670.383.255
Giảm do thanh lý	-	(377.830.859)	-	-	(377.830.859)
Số dư cuối năm	39.015.534.035	287.247.503.022	6.222.874.965	1.085.589.272	333.571.501.294
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Số dư cuối năm	41.737.713.089	123.366.368.302	1.582.708.160	324.124.800	167.010.914.351
Số dư đầu năm	45.710.306.358	107.592.734.120	1.153.210.366	356.641.233	154.812.892.077

Nguyên giá tài sản hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 của Công ty là 162.898.321.786 đồng (tại ngày 01/01/2016 là 131.274.505.681 đồng).
Nguyên giá tài sản cố định chờ thanh lý là 1.061.748.647 đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị: VND

	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Tài sản vô hình</u>	<u>Tổng</u>
NGUYÊN GIÁ			
Số dư đầu năm	151.520.000	8.618.790.249	8.770.310.249
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	3.447.378.040	3.447.378.040
Số dư cuối năm	151.520.000	12.066.168.289	12.217.688.289
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ			
Số dư đầu năm	105.767.867	2.990.861.061	3.096.628.928
Khấu hao trong năm	30.752.499	751.708.931	782.461.430
Số dư cuối năm	136.520.366	3.742.569.992	3.879.090.358
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Số dư cuối năm	14.999.634	8.323.598.297	8.338.597.931
Số dư đầu năm	45.752.133	5.627.929.188	5.673.681.321

Nguyên giá tài sản cố định vô hình khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2016 là 1.836.419.985 đồng.

11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dự án đầu tư và khai thác các trạm VHF/VSAT Trường Sa Lớn và Song Tử Tây	11.269.350.551	25.642.396.081
Đầu tư đài dẫn đường VOR/DME Tuy Hòa	4.773.364.224	-
Đầu tư cơ sở làm việc của Công ty TNHH KTQLB tại 58 TS	1.179.111.312	-
Công trình khác	1.399.991.329	3.292.738.622
	18.621.817.416	28.935.134.703

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>	<u>VND</u>	<u>trả nợ</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
a) Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	11.804.602.986	11.804.602.986	11.820.169.316	11.820.169.316
Công ty Cổ phần ACC 245	4.026.685.070	4.026.685.070	5.291.802.425	5.291.802.425
Công ty Selex Systems Integration Inc	3.412.167.675	3.412.167.675	-	-
Công ty TNHH Mạnh Đức	1.529.220.000	1.529.220.000	-	-
Công ty TNHH Công nghệ DICOM	846.970.855	846.970.855	5.038.050.462	5.038.050.462
Các đối tượng khác	1.989.559.386	1.989.559.386	1.490.316.429	1.490.316.429
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	-	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a) Người mua trả tiền trước ngắn hạn	9.198.709.121	9.810.121.711
Tổng công ty Cảng Hàng không Việt nam	7.450.127.270	7.239.075.505
Công ty TNHH MTV Ứng dụng kỹ thuật và Sản xuất NEC Networks and System Integration Corporation	1.259.644.910	-
Các đối tượng khác	488.936.941	2.246.337.820
b) Người mua trả tiền trước dài hạn	15.610.413.000	17.959.054.000
Cục Hàng không Dân dụng Singapore	15.610.413.000	17.959.054.000

14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã thực nộp trong năm VND	Số cuối năm VND
Phải nộp	5.602.348.373	31.777.592.830	33.149.264.170	4.230.677.033
- Thuế giá trị gia tăng phải nộp	4.902.023.384	13.247.554.149	15.367.217.264	2.782.360.269
- Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	1.253.846.482	1.253.846.482	-
- Thuế xuất nhập khẩu	-	51.849.718	51.849.718	-
- Thuế thu nhập cá nhân	27.534.226	2.669.827.899	2.663.036.852	34.325.273
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	672.790.763	10.636.056.517	9.894.855.789	1.413.991.491
- Thuế nhà thầu nộp thay	-	3.295.149.874	3.295.149.874	-
- Thuế đất	-	563.355.936	563.355.936	-
- Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
- Thuế khác	-	54.952.255	54.952.255	-
	5.602.348.373	31.777.592.830	33.149.264.170	4.230.677.033

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Chi phí trích trước tạm tính giá vốn	2.303.991.490	2.303.991.490	2.469.757.257	2.469.757.257
Trích trước tiền ăn ca, ăn định lượng, phụ cấp đàng ... tháng 12/2016	410.921.845	410.921.845	401.798.671	401.798.671
Trích trước chi phí để nhập kho	-	-	2.986.687.044	2.986.687.044
Đối tượng khác	2.586.577	2.586.577	111.278.049	111.278.049
	2.717.499.912	2.717.499.912	5.969.521.021	5.969.521.021

16. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN/ DÀI HẠN

Các khoản dự phòng phải trả là các khoản chi phí bảo hành công trình được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về giá trị cần trích lập bảo hành cho mỗi công trình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

Đơn vị: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng
Số dư đầu năm trước	260.627.726.592	-	6.206.910.053	696.130.390	267.530.767.035
Lãi trong năm				24.671.319.689	24.671.319.689
Tăng vốn điều lệ do nhận điều chuyển tài sản từ Tổng Công ty	1.220.173.592	-	-	-	1.220.173.592
Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển	6.206.910.053	-	(6.206.910.053)	-	-
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế	425.569.006	-	-	(425.569.006)	-
Tăng trong năm	-	556.562.253	-	-	556.562.253
Giảm trong năm	-	(556.562.253)	-	-	(556.562.253)
Phân phối lợi nhuận bổ sung năm 2014	-	-	-	(217.020.027)	(217.020.027)
Trích lập các quỹ trong năm	-	-	7.259.718.296	(23.450.993.482)	(16.191.275.186)
Số dư đầu năm nay	268.480.379.243	-	7.259.718.296	1.273.867.564	277.013.965.103
Lãi trong năm				36.570.109.223	36.570.109.223
Tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển (i)	7.259.718.296	-	(7.259.718.296)	-	-
Tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế (i)	748.067.506	-	-	(748.067.506)	-
Tăng trong năm (ii)	-	252.897.109	-	217.020.027	469.917.136
Giảm trong năm	-	(252.897.109)	-	-	(252.897.109)
Trích lập các quỹ trong năm (iii)	-	-	10.910.203.741	(31.403.873.965)	(20.493.670.224)
Số dư cuối năm nay	276.488.165.045	-	10.910.203.741	5.909.055.343	293.307.424.129

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

Ghi chú:

- i. Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ bổ sung từ Quỹ đầu tư phát triển và lợi nhuận sau thuế năm 2015 theo Quyết định số 240/QĐ/HĐTV ngày 22/05/2014 về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ của Công ty TNHH Kỹ thuật Quản lý Bay.
- ii. Trong năm 2016, Công ty thực hiện tăng lợi nhuận chưa phân phối khoản lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại tại ngày 31/12/2014 với số tiền 217.020.027 đồng. Công ty chưa thực hiện xác định nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp cho khoản lợi nhuận này.
- iii. Tại ngày 31/12/2016, Công ty tạm trích lập Quỹ đầu tư phát triển và Quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền là 10.910.203.741 đồng và 20.493.670.224 đồng dựa trên kết quả kinh doanh năm 2016, số trích quỹ cuối cùng phụ thuộc vào quyết định phê duyệt của chủ sở hữu Công ty.

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, vốn điều lệ đã được chủ sở hữu góp như sau:

	Vốn điều lệ theo đăng ký kinh doanh thay đổi		Vốn đã góp tại ngày cuối năm	
	VND	(%)	VND	(%)
Tổng Công ty Quản lý bay Việt Nam	279.084.000.000	100%	276.488.165.045	99%
	<u>279.084.000.000</u>	<u>100%</u>	<u>276.488.165.045</u>	<u>99%</u>

18. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đồng Đô la Mỹ (USD)	446.326,45	150.062,55
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	2.318,15	6.824,85

19. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
a) Doanh thu	248.201.400.029	225.950.071.177
Doanh thu bán hàng hóa	13.941.002.410	17.686.158.878
Doanh thu cung cấp dịch vụ	234.211.840.472	208.263.912.299
Doanh thu khác	48.557.147	-
b) Doanh thu đối với bên liên quan (ii)	189.062.806.824	141.170.329.994

Ghi chú: (i) Doanh thu đối với các bên liên quan được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 28 - Nghiệp vụ và số dư trọng yếu với các bên liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Giá vốn hàng hóa	8.465.788.051	18.136.539.314
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	145.518.623.919	137.578.186.280
Trích lập/(Hoàn nhập) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.492.809	12.373.583
	154.022.904.779	155.727.099.177

21. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	9.916.075.013	29.840.585.163
Chi phí nhân công	98.631.316.628	79.203.952.538
Chi phí khấu hao tài sản cố định	36.379.385.366	32.597.831.846
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.952.787.978	35.507.901.302
Chi phí khác bằng tiền	22.348.359.711	28.591.183.234
	217.227.924.696	205.741.454.083

22. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lãi tiền gửi	1.178.834.050	1.924.401.490
Lãi chênh lệch tỷ giá	277.935.214	1.236.698.305
	1.456.769.264	3.161.099.795

23. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá	146.703.754	43.093.536
	146.703.754	43.093.536

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	47.759.000.607	41.391.602.602
Tiền lương	30.165.740.082	24.262.687.956
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	17.593.260.525	17.128.914.646
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	143.320.075	(110.170.102)
Hoàn nhập dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	(598.520.150)	(653.914.200)
Trích dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hóa	741.840.225	540.679.098
Các khoản chi phí bán hàng khác	-	3.065.000
	47.902.320.682	41.281.432.500

25. THU NHẬP KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Thu thanh lý tài sản	-	104.164.246
Thu bảo hiểm bồi thường	1.240.240.738	1.390.690.480
Các khoản khác	75.398.444	63.731.275
	1.315.639.182	1.558.586.001

26. CHI PHÍ KHÁC

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Chi phí thanh lý tài sản	14.788.799	-
Chi phí khắc phục tồn thất	1.451.899.544	-
Tiền phạt, truy thu thuế	213.058.001	22.747.627
Các khoản khác	166.200.813	440.040.276
	1.845.947.157	462.787.903

27. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	47.055.932.103	33.155.343.857
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	5.373.182.298	5.408.402.361
<i>Cộng: Chi phí không được khấu trừ</i>	<i>5.575.945.719</i>	<i>5.880.661.062</i>
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(202.763.421)</i>	<i>(472.258.701)</i>
Thu nhập chịu thuế	52.429.114.401	38.563.746.218
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	10.485.822.880	8.484.024.168

Trong năm, ngoài khoản chi phí không được khấu trừ khoảng 5.576 tỷ đồng, Công ty đánh giá không có khoản chi phí không hợp lý hợp lệ nào cho mục đích tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tùy thuộc vào quyết định của cơ quan thuế có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

28. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ TRỌNG YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch và số dư trọng yếu sau với các bên liên quan:

Bên liên quan	Quan hệ	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Bán hàng		189.062.806.824	141.170.329.994
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	184.904.413.563	138.770.929.885
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Cùng công ty mẹ	14.600.000	1.651.070.708
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Cùng công ty mẹ	2.235.998.353	-
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Cùng công ty mẹ	1.885.724.272	633.500.000
Trung tâm Quản lý luồng không lưu	Cùng công ty mẹ	22.070.636	114.829.401

Bên liên quan	Quan hệ	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Các khoản phải thu		73.275.053.511	45.039.887.803
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	73.031.822.905	44.997.824.905
Công ty Quản lý Bay Miền Bắc	Cùng công ty mẹ	9.891.785	14.772.557
Công ty Quản lý Bay Miền Nam	Cùng công ty mẹ	9.265.451	-
Công ty Quản lý Bay Miền Trung	Cùng công ty mẹ	199.795.670	-
Trung tâm Quản lý luồng không lưu	Cùng công ty mẹ	24.277.700	27.290.341

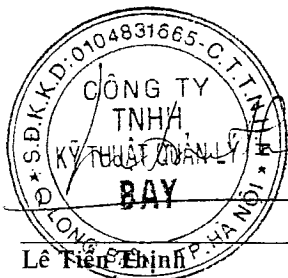
Các khoản phải trả khác		-	1.437.014.378
Tổng Công ty Quản lý Bay Việt Nam	Công ty mẹ	-	1.437.014.378

Thu nhập Ban Giám đốc được hưởng trong năm như sau:

	Số năm nay VND	Số năm trước VND
Lương	2.334.000.000	2.485.200.002
Thưởng và các khoản khác	164.667.000	278.317.000

29. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán.



Lê Tiến Định
Giám đốc
Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2017

Nguyễn Như Thành
Kế toán trưởng

Uông Thị Thu Huyền
Người lập biểu



Văn phòng Hà Nội

Tầng 12A tòa nhà Tổng Công ty 319
Số 63 Lê Văn Lương, P. Trung Hòa
Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
Tel : +84-4 3577 0781
Fax: +84-4 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Văn phòng Hồ Chí Minh

Lầu 6, tòa nhà HUD, 159 Điện Biên Phủ
P. 15, Q. Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
Tel : +84-8 3840 6618
Fax: +84-8 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Văn phòng Hải Phòng

499 Quán Toan, P. Quán Toan,
Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
Tel : +84-31 353 4655
Fax: +84-31 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Văn phòng Đồng Nai

79 Hà Huy Giáp, phường Quyết Thắng,
thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Tel: +84-613 828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn

Hanoi Office

12A Floor, 319 Corporation Tower
No.63 Le Van Luong Street, Trung Hoa Ward
Cau Giay District, Hanoi City
Tel : +84-4 3577 0781
Fax: +84-4 3577 0787
Email: vacohn@vaco.com.vn
Website: www.vaco.com.vn

Ho Chi Minh Office

6th Floor, HUD Building, No.159 Dien Bien Phu Street
Ward 15, Binh Thanh District, Ho Chi Minh City
Tel : +84-8 3840 6618
Fax: +84-8 3840 6616
Email: vacohcm@vaco.com.vn

Hai Phong Office

No. 499 Quan Toan Street, Quan Toan Ward
Hong Bang District, Hai Phong City
Tel : +84-31 353 4655
Fax: +84-31 353 4316
Email: vacohp@vaco.com.vn

Dong Nai Office

No. 79, Ha Huy Giap Street, Quyet Thang Ward,
Bien Hoa City, Dong Nai Province
Tel: +84-613 828 560
Email: vacodongnai@vaco.com.vn